**Phòng GD&ĐT Thuận An**  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi***  ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

Năm 2017

**Tổng số học sinh: 2.150**

**Biên chế :109**

**Định mức chi hoạt động năm 2017 như sau:**

**-**Chi cho bộ máy :20.000.000 đ/biên chế/năm

-Chi hoạt động giảng dạy và học tập :400.000 đ/học sinh/năm

|  |  |
| --- | --- |
| **1/ Kinh phí thường xuyên:**  **Trong đó :**  **-**Chi cho con người :  -Chi hoạt động  - Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương | **9.205.581.000**    6.862.181.000  2.109.060.000  234.340.000 |
| **2/Kinh phí không thường xuyên:**  **-**Kinh phí thừa giờ  -Tiền tết  -Hỗ trợ nhà trọ  -Hỗ trợ thạc sỹ 1.5/tháng  -Hỗ trợ ngày 20/11  -Hỗ trợ nhân viên Y tế  -Hỗ trợ nhân viên thư viện  -Hỗ trợ bảo vệ  -Hỗ trợ phục vụ  -Hỗ trợ trang phục bảo vệ | **727.336.000**  300.000.000  163.500.000  138.616.000  68.560.000  21.800.000  4.356.000  2.904.000  14.400.000  12.000.000  1.200.000 |
| **3 /Nguồn học phí :** | **1.161.000.000** |
| * 40% cải cách tiền lương * 60 % chi hoạt động | 464.400.000  696.600.000 |
| **4 /Nguồn thu căn tin** | **400.000.000** |
| 10 % thuế :  Còn lại 90%  Trong đó  -40 % thực hiện điều chỉnh tiền lương  -60 % chi hoạt động và các hoạt động PLTT | 40.000.000  360.000.000  144.000.000  216.000.000 |
| **5/ Chi dạy thêm học thêm buổi chiều:** |  |
| -80% chi cho giáo viên |  |
| -20% chi quản lý,CSVC |  |
| **6./ Thu học nghề** | **144.000đ/hs** |
| -70% Chi trả cho Trung tâm giáo dục thường xuyên thị xã Thuận An |  |
| -30% chi cho việc tổ chức công tác dạy nghề tại trường (quản lý,vệ sinh,điện…..) |  |
| **7/ Thu BHYT năm 2017** | **934.605.000đ** |

**Kế hoạch chi:**

Tổng kinh phí dùng chi cho hoạt động của nhà trường bao gồm ngân sách nhà nước cấp và học phí thu được sử dụng là : 2.805.660.000đ

1/ Tiền công : 216.000.00 đồng

2/Tổng khen thưởng: 212.033.000 đ

3/Phúc lợi tập thể : 119.400.000

4/Dịch vụ công cộng (điện,nước,vệ sinh,nhiên liệu): 185.265.000 đồng

5/Vật tư văn phòng :292.450.000 đồng

6/Thông tin, tuyên truyền liên lạc: 32.100.000 đồng

7/Hội nghị (6 hội nghị): 51.856.000 đồng

8/Công tác phí :76.800.000đồng

9/Chi phí thuê mướn : 157.200.000 đồng

10/ Chi sửa chữa tài sản :514.900.000 đồng

11/Chi phí nghiệp vụ chyên môn: 704.656.000.000 đồng

Trong đó:

- Mua sắm trang thiết bị, sách giáo khoa…: 144.732.000 đồng

- Học tập: 418.618.000 đồng

- Hội thi , hoạt động phong trào Đội : 141.306.000 đồng

12/Mua sắm tài sản : 218.000.000 đồng

13/Chế độ tiếp khách :25.000.000 đồng

**CHI TRẢ TĂNG THU NHẬP:**

Thực hiện tiết kiệm 30% tổng kinh phí hoạt dộng được giao dùng chi tăng thu nhập cho toàn thể CBGV-NV trong toàn trường.

**Đơn mức, định mức chi**

1. Thu nhập tăng thêm được chi trả hàng tháng, hàng quý, hoặc chi vào cuối năm.

2 .Chi đối tượng lao động trong biên chế và lao động từ 01 năm trở lên, CBGVNV không hoàn thành nhiệm vụ trong năm, không tuân thủ theo sự phân công của thủ trưởng đơn vị, bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên sẽ không được chi tăng thu nhập.

3. Chi thu nhập tăng thêm cho người lao động đơn vị sẽ thực hiện theo nguyên tắc như sau:

\* Định mức chi hỗ trợ tăng thu nhập:

- Hiệu trưởng quản lý chịu trách nhiệm chung: Mức chi không quá 02 lần tổng số tiền tiết kiệm bình quân trong năm 2017.

* Phó hiệu trưởng: mức chi không quá 1,5 lần tổng số tiền tiết kiệm bình quân trong năm 2017.

- Kế toán là bộ phận chịu trách nhiệm hoàn toàn, không tách rời quy chế này: mức chi không quá 02 lần tổng số tiền tiết kiệm bình quân trong năm 2017.

- Đối tượng còn lại chi đều nhau bằng tổng số tiền tiết kiệm bình quân trong năm 2017( tính theo số tháng thực tế công tác tại trường)

**THƯ KÝ CT CĐCS HIỆU TRƯỞNG**